

PHỤ LỤC ĐH5

Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử

(Quyết định số 533/QĐ-HV ngày 05/07/2018 về việc ban hành Chương trình giáo dục đại học ngành Thương mại điện tử - trình độ đại học hệ chính quy)

1. ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

a) Quy định chung:

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

b) Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2021:

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 với các bài thi/môn thi theo tổ hợp bài thi/môn thi tương ứng các ngành của Học viện.

c) Đối với phương thức xét tuyển kết hợp thi ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây:

- Thí sinh có Chứng chỉ quốc tế SAT từ 1130/1600 trở lên hoặc ACT từ 25/36 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 65 trở lên hoặc TOEFL ITP 513 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Thí sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học và có kết quả điểm chung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Là học sinh chuyên các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học) hoặc hệ/lớp chuyên môn Toán, Lý, Hóa, Tin học của các trường THPT trọng điểm quốc gia; và có kết quả điểm trung bình

chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên (Như danh sách các trường THPT chuyên kèm theo).

Ghi chú: Đối với các thí sinh nếu chưa có điểm trung bình chung học tập lớp 12 có thể sử dụng điểm trung bình chung học tập học kỳ 1 lớp 12.

2. MỤC TIÊU, KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ ĐẠT ĐƯỢC

2.1 Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử (TMĐT) nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành quá trình kinh doanh thông qua các phương tiện điện tử.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp có thể:

- Vận dụng các kiến thức chuyên môn và toàn diện để giải quyết các vấn đề về kinh doanh điện tử (phân tích và thiết kế hệ thống kinh doanh điện tử; bán hàng, phân phối sản phẩm, thanh toán và marketing thông qua các phương tiện điện tử);
- Vận dụng các kiến thức quản lý doanh nghiệp TMĐT vào trong thực tế môi trường kinh doanh hội tụ về công nghệ và thương mại quốc tế;
- Vận dụng những kiến thức, kỹ năng xã hội và kỹ năng cá nhân phù hợp với chuyên ngành được đào tạo để làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả;
- Giao tiếp bằng tiếng Anh và sử dụng công nghệ thông tin để khai thác, nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực TMĐT của doanh nghiệp.

2.2 Kiến thức

- Hiểu và vận dụng được kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và kinh tế vào việc thực hiện các hoạt động kinh doanh điện tử;
- Khái quát, tổng hợp và sơ đồ hóa được mô hình quản trị kinh doanh TMĐT của doanh nghiệp;
- Giải thích được các chức năng quản trị kinh doanh TMĐT trong doanh nghiệp;
- Mô tả được cách thức xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm soát các kế hoạch kinh doanh điện tử;
- Hiểu và vận dụng được các kiến thức về mạng máy tính, diễn giải được chức năng và cơ chế vận hành của các phần mềm phổ biến về quản trị doanh nghiệp và các phần mềm tác nghiệp TMĐT;
- Mô tả được phương pháp thu thập và khai thác dữ liệu điện tử để làm căn cứ ra các quyết định kinh doanh;
- Mô tả được phương pháp quản trị hệ thống TMĐT và phát triển website TMĐT;
- Mô tả được nguyên lý của hệ quản trị cơ sở dữ liệu, mô tả được chức năng của các hệ thống cơ sở dữ liệu thông dụng, biết cách thức thiết kế website TMĐT;
- Đánh giá được các tác nghiệp chuyên sâu trong TMĐT của một doanh nghiệp như:

bán hàng và marketing điện tử, thanh toán điện tử, phân phối hàng hóa (logistics) điện tử.

2.3 Kỹ năng

Các kỹ năng chuyên môn bao gồm:

- Phân tích, lựa chọn được mô hình kinh doanh điện tử, thực hiện được các chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp TMĐT;
- Xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm soát được các kế hoạch kinh doanh điện tử (phân tích thị trường, xác lập mục tiêu kinh doanh, tổ chức và phân bổ nguồn lực, điều hành, kiểm soát hoạt động kinh doanh điện tử);
- Sử dụng và khai thác được mạng máy tính, các phần mềm phổ biến về quản trị doanh nghiệp và các phần mềm tác nghiệp TMĐT thông dụng;
- Thu thập và khai thác được các dữ liệu điện tử phục vụ cho mục đích kinh doanh;
- Hình thành được ý tưởng, thiết lập yêu cầu, xác định chức năng, lập mô hình và quản lý dự án ứng dụng TMĐT trong doanh nghiệp;
- Thiết kế và triển khai được hệ thống TMĐT và có phương án phát triển website TMĐT của doanh nghiệp một cách hiệu quả;
- Hình thành ý tưởng, thiết lập yêu cầu, xác định được chức năng của hệ quản trị cơ sở dữ liệu trong doanh nghiệp; triển khai và vận hành được các hệ thống cơ sở dữ liệu thông dụng; thiết kế được website TMĐT;
- Thực hiện và quản trị được các tác nghiệp về marketing và bán hàng trực tuyến;
- Thực hiện và quản trị được các giao dịch và thanh toán điện tử với khách hàng và đối tác;
- Thực hiện và quản trị được các hoạt động cung ứng điện tử;
- Thực hiện được các dịch vụ công trực tuyến dưới vai trò doanh nghiệp;

2.4 Kỹ năng mềm

- Kỹ năng làm việc khoa học và chuyên nghiệp;
- Các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc.
- Các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm.

2.5 Ngoại ngữ (Tiếng Anh)

- Năng lực tiếng Anh tương đương với trình độ B1 khung tham chiếu khung Châu Âu (CEFR) hay Bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.

2.6 Công nghệ thông tin

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo qui định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Cụ thể, sinh viên có khả năng cơ bản trong việc sử dụng máy tính, sử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu và sử dụng Internet trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.

3. CÁC CHÍNH SÁCH, HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ HỌC TẬP, SINH HOẠT CHO NGƯỜI HỌC

- Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân.

- Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức.

- Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.

4. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 131 tín chỉ (không bao gồm nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Cấu trúc chương trình:

STT	Khối kiến thức	Tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	43
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <i>Trong đó:</i> - Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành - Kiến thức bổ trợ ngành - Kiến thức chuyên ngành	78 45 15 18
3	Thực tập và Tốt nghiệp	10
	Cộng	131

4.2. Nội dung chương trình

4.2.1. Khối kiến thức chung

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận			
1	Triết học Mác-Lênin	BAS1150	3	34	10		1	

2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BAS1151	2	24	6			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	2	24	6			
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BAS1153	2	24	6			
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	24	6			
6	Tiếng Anh (Course 1)*	BAS1157	4					
7	Tiếng Anh (Course 2)	BAS1158	4					
8	Tiếng Anh (Course 3)	BAS1159	4					
9	Tiếng Anh (Course 3 Plus)	BAS1160	2					
10	Tin học cơ sở 1	INT1154	2	20	4	4	2	
11	Tin học cơ sở 3	INT1156	2	20	4	4	2	
12	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	2	18	6		6	
Tổng:			31					
<i>Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng</i>								
1	Giáo dục thể chất 1	BAS1106	2	2		26	2	
2	Giáo dục thể chất 2	BAS1107	2	2		26	2	
3	Giáo dục Quốc phòng	BAS1105	3			165		
<i>Kiến thức các môn kỹ năng (chọn 3/7)</i>								
1	Kỹ năng thuyết trình	SKD1101	1	6	8		1	
2	Kỹ năng làm việc nhóm	SKD1102	1	6	8		1	
3	Kỹ năng tạo lập Văn bản	SKD1103	1	6	8		1	
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	SKD1104	1	6	8		1	
5	Kỹ năng giao tiếp	SKD1105	1	6	8		1	
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề	SKD1106	1	6	8		1	
7	Kỹ năng tư duy sáng tạo	SKD1107	1	6	8		1	

(*): Điều kiện để đăng ký học phần tiếng Anh Course 1 trong chương trình là sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh từ 225 điểm theo bài thi TOEIC Placement Test trở lên; các thí sinh chưa đạt mức điểm trên sẽ phải hoàn thành học phần tiếng Anh bổ trợ Course 0 (mã BAS 1156)

4.2.2. Kiến thức cơ bản nhóm ngành

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Chữa bài tập / Thảo luận			
12	Toán cao cấp 1	BAS1219	2	24	6			
13	Toán cao cấp 2	BAS1220	2	24	6			
14	Lý thuyết xác suất và thống kê	BAS1210	3	36	8		1	
15	Toán kinh tế	BSA1241	3	36	8		1	
16	Pháp luật đại cương	BSA1221	2	24	6			
Tổng:			12					

4.2.3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

4.2.3.1. Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận			
17	Kinh tế vi mô 1	BSA1310	3	36	8		1	
18	Kinh tế vĩ mô 1	BSA1311	3	36	8		1	
19	Marketing căn bản	MAR1322	3	36	8		1	
20	Thống kê doanh nghiệp	BSA1338	3	36	8		1	
21	Quản trị học	BSA1328	3	36	8		1	
22	Quản trị nhân lực	BSA1331	3	36	8		1	BSA1328
23	Quản trị sản xuất	BSA1333	3	36	8		1	BSA1328
24	Thương mại điện tử căn bản	BSA1365	3	36	8		1	
25	Giao tiếp trong kinh doanh	BSA1448	2	24	6			
26	Logistics căn bản	BSA1351	2	24	6			
27	Quản trị doanh nghiệp thương mại	BSA1352	2	24	6			BSA1328
28	Nguyên lý lập trình	INT13112	3	36	8		1	INT1154
29	Nhập môn cơ sở dữ liệu	INT13113	3	36	8		1	INT1154
30	Mạng máy tính và truyền thông	INT13114	3	36	8		1	INT1154
31	Thiết kế web cơ bản	MUL1429	2	24	6			INT1154
32	An toàn dữ liệu và bảo mật trong TMĐT	INT13116	2	24	6			INT1154
Các học phần tự chọn (chọn 1/5)								
33	Quản trị công nghệ	BSA1326	2	24	6			
34	Quản trị chất lượng	BSA1324	2	24	6			BSA1328
35	Phân tích hoạt động kinh doanh	BSA1320	2	24	6			BSA1328
36	Luật kinh doanh	BSA1314	2	24	6			
37	Quản trị cơ sở dữ liệu kinh doanh	MAR1312	2	24	6			
38	Kế toán căn bản	FIA1342	2	24	6			
Tổng :			45					

4.2.3.2. Kiến thức bổ trợ ngành

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập / Thảo luận			
39	Hệ thống thông tin quản lý	BSA1307	2	22	8			
40	Tài chính doanh nghiệp	FIA1325	3	36	8		1	BSA1328
41	E-Marketing	MAR1427	2	24	6			MAR1322 BSA1365

42	Kinh doanh quốc tế	BSA1353	2	24	6			BSA1328
43	Quản trị dự án	BSA1364	2	24	6			BSA1328
44	Quản trị bán hàng và phân phối sản phẩm	BSA1354	2	24	6			BSA1328
45	Pháp luật về thương mại điện tử và an toàn thông tin	BSA1355	2	24	6			BSA1365
Tổng				15				

4.2.3.3. Kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập /Thảo luận			
46	Phân tích thiết kế hệ thống TMĐT	BSA1456	2	24	6			BSA1365
47	Phân tích dữ liệu phục vụ cho quyết định kinh doanh	MAR1441	2	24	6			
48	Thanh toán điện tử	BSA1437	2	24	6			BSA1365
49	Bán lẻ trực tuyến	BSA1457	2	24	6			BSA1365
50	Khởi sự kinh doanh thương mại điện tử	BSA1458	2	18	12			BSA1365
51	Chuyên đề Quản trị TMĐT	BSA1459	2	6	24			BSA1365
52	Chuyên đề Tác nghiệp TMĐT	BSA1460	2	6	24			BSA1365
Các học phần tự chọn (chọn 2/4)								
53	Thương mại di động	BSA1461	2	24	6			BSA1365
54	Truyền thông thương hiệu trong môi trường trực tuyến	BSA1462	2	24	6			BSA1365
55	Giao tiếp chuyên nghiệp trong truyền thông	MUL1469	2	24	6			
56	Chính phủ điện tử	BSA1463	2	24	6			
Tổng:				18				

4.2.3.4. Thực tập tốt nghiệp (4TC) và Luận văn tốt nghiệp (6TC) hoặc học phần thay thế tốt nghiệp

5. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ sau đại học tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước và nước ngoài.

6. VỊ TRÍ LÀM VIỆC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có đủ năng lực để đảm nhận các vị trí công việc sau:

- Chuyên viên hoặc quản lý kinh doanh thương mại, marketing, bán hàng, hậu cần, kho vận, quản trị vận hành hệ thống TMĐT tại các doanh nghiệp đang / hoặc có dự định triển khai ứng dụng TMĐT (doanh nghiệp sở hữu website TMĐT bán hàng);
- Chuyên viên hoặc quản lý phụ trách tư vấn các giải pháp phát triển hệ thống thông tin, quản trị cơ sở dữ liệu tại các doanh nghiệp cung cấp giải pháp về TMĐT (doanh nghiệp sở hữu website cung cấp dịch vụ TMĐT);

- Viên chức tại các cơ quan quản lý nhà nước về TMĐT;
- Nhà sáng lập doanh nghiệp kinh doanh điện tử;
- Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ sau đại học ngành Kinh doanh và quản lý hoặc học bổ sung kiến thức liên ngành để đạt được bằng tốt nghiệp đại học thứ hai theo qui định của Bộ giáo dục và đào tạo.